TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/DS-ST
Ngày: 31/10/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành.**
2. Bà **Lê Ái Nguyên.**

Thư ký Tòa án: Ông **Tạ Văn Cung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2018/TLST – DS ngày 06 tháng 7 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2018/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C** - sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Trương Thị M L** - sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 7 năm 2018)

Bị đơn: Bà **Trần T Tr** - sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Huỳnh H Tr** - sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ông **Lâm Qu Th**. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 16 tháng 8 năm 2012 âm lịch bà Trần T Tr có vay của chị C số tiền 3.000.000đ, đã đóng tiền lãi được 18 tháng. Hiện tại bà Tr còn nợ gốc 3.000.000đ, nên chị C yêu cầu bà Tr trả số tiền 3.000.000đ và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/01/2013 đến khi trả xong nợ.

* Bị đơn bà Trần T Tr xác định: Trong năm 2012 bà có vay của chị C hai lần với tổng số tiền 3.000.000đ, số tiền vay này bà Tr dùng vào việc bán quán giải khát, lợi nhuận từ việc mua bán bà Tr dùng để sử dụng chung trong gia đình giữa bà Tr và ông Thích chồng của bà Tr.

Từ khi vay tiền thì bà Tr trả tiền lãi cho chị C liên tục cho đến ngày 25 tháng 12 năm 2016 âm lịch. Nay bà Tr chỉ đồng ý trả số tiền 3.000.000đ gốc, đề nghị chị C không tính tiền lãi và xin được trả dần, mỗi tháng trả 200.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh H Tr và ông Lâm Qu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt, cũng không có nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Linh nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nộp đơn có nội dung nguyên đơn rút phần yêu cầu về lãi suất đối với bà Tr, chỉ yêu cầu bà Tr trả số tiền 3.000.000đ.

- Bà Trần T Tr nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác.

- Các đương sự còn lại vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Buộc bà Trần T Tr và ông Lâm Qu Th trả cho chị Nguyễn Thị C và anh Huỳnh H Tr số tiền vay gốc là 3.000.000đ.

+ Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về phần tiền lãi đối với bị đơn.

** Các tình tiết của vụ án:*

- Chị C yêu cầu bà Tr và ông Thích trả cho chị C và anh Trí số tiền nợ vay 3.000.000đ, chị C rút yêu cầu về lãi suất.

- Bà Tr đồng ý trả 3.000.000đ, nhưng đề nghị được trả dần, mỗi tháng trả 200.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Trần T Tr trả tiền nợ vay, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Trần T Tr có đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh H Tr và ông Lâm Qu Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị C:

- Về số tiền nợ vay: Chị C và bà Tr trình bày thống nhất là bà Tr có vay của chị C số tiền 3.000.000đ; Sự thừa nhận của bị đơn phù hợp với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng minh như quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

- Chị C cho rằng chị đã dùng tiền là tài sản chung của chị và anh Trí cho bà Tr vay; Bà Tr xác định bà vay tiền của chị C về mở quán giải khát, lợi nhuận từ việc mua bán bà Tr dùng để chi cho các sinh hoạt trong gia đình của bà và ông Thích; Anh Trí và ông Thích không có ý kiến gì đối với trình bà của nguyên đơn và bị đơn, được xem là mặc nhiên thừa nhận lời trình bày này. Nay Chị C yêu cầu bà Tr trả nợ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc ông Thích và bà Tr có nghĩa vụ trả cho anh Trí và chị C số tiền 3.000.000đ.

- Chị Nguyễn Thị C tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi đối với bà Tr, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của chị C về tiền lãi đối với bà Tr.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C, buộc bà Trần T Tr và ông Lâm Qu Th trả cho chị Nguyễn Thị C và

anh Huỳnh H Tr số tiền nợ vay là 3.000.000đ. Ông Thích và bà Tr phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do chị Nguyễn Thị C được chấp nhận yêu cầu, nên chị C không phải chịu án phí.

- Buộc bà Trần T Tr và ông Lâm Qu Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 300.000đ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C, buộc bà Trần T Tr và ông Lâm Qu Th trả cho chị Nguyễn Thị C và anh Huỳnh H Tr số tiền nợ vay là 3.000.000đ.

"*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự*".

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C về số tiền lãi đối với bà Tr và ông Thích.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Chị Nguyễn Thị C không phải chịu án phí. Chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011795 ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, nên chị C được nhận lại số tiền 300.000đ.

- Buộc bà Trần T Tr và ông Lâm Qu Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ với số tiền án phí là 300.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.